TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn N G; Sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số x đường y, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn V; Sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường HTLO, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn N G trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2018). Nguyên nhân xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà G và ông V đã ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Bà G xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/02/2020, hiện con đang sống chung với ông V.

Khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ lại.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn V và bà Nguyễn N G sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân với nhau. Ông V đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung: Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V có một con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/02/2020, hiện con đang sống chung với ông V. Khi ly hôn ông V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông V xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V đã ly thân không còn sống chung, không còn quan tâm lẫn nhau. Bà G xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V. Về phía ông V đồng ý ly hôn với bà G. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà G không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G được ly hôn với ông V.

[2] *Về nuôi con chung*: Bà Nguyễn N G và ông Nguyễn V có một con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/02/2020, hiện con đang sống với ông V, khi ly hôn bà G và ông V đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy bà G có thu nhập không ổn định không đảm bảo điều kiện nuôi con. Đối với ông V có thu nhập ổn định, con chung hiện nay do ông V trực tiếp chăm sóc dưới sự hỗ trợ của gia đình ông V, hiện tại cháu N đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông V nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất nên cần giao cháu N cho ông V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để tránh ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của của cháu N là phù hợp tình hình thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Bảo N cho ông V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà G và ông V xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn N G về việc xin ly hôn ông Nguyễn V.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/02/2020 cho ông Nguyễn V trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn N G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn N G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/3/2024, bà Nguyễn N G đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008211 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 5,tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Hàng Bích Trâm